TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN KHÁNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST Ngày 21-03-2019. V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Mai và bà Nguyễn Thị Huế.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Trần Thị Khanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh tham gia phiên tòa*: Bà Đinh Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 144/2018/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T; có mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 1, xã C, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Xóm 13, xã Khánh Trung, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn T1; vắng mặt.

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Xóm 1, xã C, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Văn T1 sau khoảng 1 năm tự do tìm hiểu đã tự nguyện về chung sống với nhau và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào tháng 12 năm 2005. Nhưng đến ngày 27 tháng 3 năm 2008 anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại

Uỷ ban nhân dân xã Khánh Công, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, anh chị có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên tháng 5 năm 2016 anh T1 đã đi khỏi địa phương và không có tin tức gì. Chị và gia đình đã tìm các biện pháp tìm kiếm tin tức của anh T1 nhưng không có kết quả. Tháng 4/2018 chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh T1 mất tích. Tháng 11/2018 Tòa án đã ra quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm về việc tuyên bố một người mất tích đối với anh Phạm Văn T1. Kể từ khi Tòa án tuyên bố anh T1 mất tích cho đến nay chị cũng có tin tức gì của anh T1 nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung (riêng): Chị và anh T1 có 3 con chung là cháu Phạm Duy T2 sinh ngày 13 tháng 09 năm 2005, cháu Phạm Thái H sinh ngày 07 tháng 10 năm 2009, cháu Phạm Thị Lan A sinh ngày 14 tháng 1 năm 2012. Chị là người trực tiếp nuôi các cháu. Do anh T mất tích nên chị đề nghị Tòa án giao các cháu Phạm Duy T2 sinh ngày 13 tháng 09 năm 2005, cháu Phạm Thái H sinh ngày 07 tháng 10 năm 2009, cháu Phạm Thị Lan A sinh ngày 14 tháng 1 năm 2012 cho chị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh Phạm Văn T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các cháu T2, H và cháu A. Anh chị không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Chị và anh Phạm Văn T1 không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn T1.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Duy T2 sinh ngày 13 tháng 09 năm 2005, cháu Phạm Thái H sinh ngày 07 tháng 10 năm 2009, cháu Phạm Thị Lan A sinh ngày 14 tháng 1 năm 2012 cho chị Trang tiếp tục, chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các cháu Phạm Duy T2, Phạm Thái H, Phạm Thị Lan A.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện đối với anh Phạm Văn T1, có nơi cư trú cuối cùng tại xóm 1, xã C, huyện Y, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện Yên Khánh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 27, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn là anh Phạm Văn T 1 bị tuyên bố mất tích, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T1 là hợp pháp. Chị T và anh T1 chung sống với nhau được 13 năm thì anh Tư bỏ đi biệt tích. Anh T1 đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm về việc tuyên bố một người mất tích số 01/QĐST-DS ngày 31/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ khoản 2 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 điều 68 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh Phạm Văn T1.

3/ Về con chung (riêng): Chị T đề nghị Tòa án giao 3 con chung của chị và anh T1 là các cháu Phạm Duy T2 sinh ngày 13 tháng 09 năm 2005, cháu Phạm Thái H sinh ngày 07 tháng 10 năm 2009 và cháu Phạm Thị Lan A sinh ngày 14 tháng 1 năm 2012 cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và không yêu cầu anh T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con. Xét thấy anh T1 đã bị tuyên bố mất tích, chị T là người nuôi con từ khi anh T1 bỏ đi. Do đó việc giao con chung cho chị T nuôi và anh T1 không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con là phù hợp điều kiện thực tế, nguyện vọng của con và đảm bảo được lợi ích của các cháu. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con khi ly hôn của nguyên đơn .

Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T1 không có con riêng nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Chị Nguyễn Thị T xác định chị và anh Phạm Văn T1 không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T1 được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao các cháu Phạm Duy T2 sinh ngày 13 tháng 09 năm 2005, cháu Phạm Thái H sinh ngày 07 tháng 10 năm 2009 và cháu Phạm Thị Lan A sinh ngày 14 tháng 1 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn T1 không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/ 0001947 ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh .
- Chi cục THA dân sự huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh Công, huyện Yên Khánh.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Phương